

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **57 /2021/KDTM-ST**

Ngày 08/10/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thụy
2. Bà Lương Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST- KDTM ngày 02/4/2021 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2021/QĐXX-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2021/QĐST-KDTM ngày 05/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/QĐST -KDTM ngày 28/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 10 ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Thanh Hưng- Giám đốc chi nhánh Nam Hà Nội- Ngân hàng N(Theo Quyết định ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Tiến Hải- Trưởng phòng tín dụng khách hàng.

(Giấy ủy quyền số 453/QĐUQ-NHNNHN-TH ngày 26/3/2021).

(Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Định- Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Đan. (có mặt)

2, Bị đơn: Công ty Cổ phần Công ty Đ

Địa chỉ: Số 8 ngách 3 ngõ 74 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nam Liệu- Tổng giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn là Ngân hàng N và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N là ông Trần Tiến Hải trình bày:

Theo quy định tại Điều 13 Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 463/HĐTD ngày 19/8/2011 có nội dung như sau:

“Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thương lượng, giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan tới hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi Bên A đóng trụ sở”.

Vì vậy Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là Tòa án nơi Ngân hàng có trụ sở chính giải quyết tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 19/8/2011, N – Chi nhánh Nam Hà Nội đã ký Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD để cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 (gọi tắt là Công ty 658) vay vốn với tổng mức dư nợ cao nhất 150.000.000.000 đồng, bao gồm, dư nợ vay ngắn hạn là 100.000.000.000 đồng, dư bảo lãnh là 50.000.000.000 đồng.

Hạn mức tín dụng nay bao gồm dư nợ nhận nợ thực tế, số dư mở L/C chưa nhận nợ bằng vốn vay và vốn tự có; số dư bảo lãnh ký quỹ dưới 100% (loại trừ phần ký quỹ). Hạn mức này bao gồm toàn bộ dư nợ vay nội tệ và ngoại tệ, dư mở L/C thực tế của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD-HM ngày 17/5/2010; phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐHM ngày 17/5/2021 (Biên bản thanh lý hợp đồng tín dụng ngày 19/8/2021).

Thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay nội tệ (VNĐ) tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 19,5%/năm, cho vay ngoại tệ (USD) là 7%/năm, lãi phạt quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh; áp dụng lãi suất thỏa thuận tại từng điểm nhận nợ nhưng không thấp hơn mức quy định của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011.

Vào ngày 23/5/2007, Ngân hàng N đã ban hành Quy định số 1406/NHNo-TD về tiêu chí phân loại khách hàng trong hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Tại điểm 3.1 mục 3 của Quy định này có nội dung như sau:

“Khách hàng loại A:

Được xem xét áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản hoặc áp dụng mức lãi suất cho vay, phí dịch vụ ưu đãi theo quy định của NHNo Việt Nam.”

Đồng thời, tại Quy định số 1406/NHNo-TD có quy định cụ thể về 05 chỉ tiêu phân loại khách hàng doanh nghiệp thuộc nhóm A, B, C, bao gồm: Lợi nhuận, tỷ suất tài trợ, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, tỷ lệ nợ xấu tại NHNo Việt Nam, tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.

Đến năm 2011, trong quá trình thẩm định hồ sơ vay vốn của khách hàng, vào ngày 15/4/2011, N - Chi nhánh Nam Hà Nội đã có Phiếu xếp loại khách hàng vay vốn đối với Công ty Đ thì Công ty này có 05 chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ suất tự tài trợ, tỷ

suất thanh toán ngắn hạn, nợ xấu, chấp hành pháp luật đều đạt loại A. Căn cứ vào Quy định số 1406/NHNo-TD ngày 23/5/2007 của N thì Công ty Đoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện được Ngân hàng áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

Vì vậy, vào ngày 19/8/2011, N - Chi nhánh Nam Hà Nội đã ký Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD để cho Công ty Đ vay vốn không có tài sản đảm bảo.

Trên cơ sở Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức đã ký kết, N - Chi nhánh Nam Hà Nội đã giải ngân 79 lần cho Công ty Đ vay với tổng số tiền là: 95.899.189.166 đồng.

Đến ngày 07/10/2011 Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo HĐTD số 463/HĐTD ký ngày 19/8/2011. N - Chi nhánh Nam Hà Nội đã thông báo và áp dụng biện pháp đôn đốc cần thiết để thu hồi nợ nhưng Công ty Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu. Việc chậm trễ này vi phạm nghiêm trọng các quy định trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và đã gây ra thiệt hại rất lớn cho Ngân hàng. Nhưng, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Đ mới chỉ thanh toán được một phần dư nợ, phần còn lại Công ty Đ đã không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Cụ thể, Công ty chưa trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 86.954.921.166 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn. Tổng dư nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 08/10/2021 là 246.125.258.551 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 trả nợ cho N các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD ngày 19/8/2011 là 246.125.258.551 đồng. Trong đó:

Nợ gốc là: 86.954.921.166 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 111.397.864.527 đồng.

Lãi phạt quá hạn: 47.772.472.858 đồng.

Và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 9/10/2021 theo quy định của HĐTD số 463 cho đến ngày Công ty Đ thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Về phía Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án nên không có lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng, sau khi phân tích các căn cứ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty Đ phải trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/10/2021 là 246.125.258.551 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 9/10/2021 theo quy định của hợp đồng tín dụng số 463 cho đến ngày Công ty Đ thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Công ty phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền:

Ngân hàng Ncó trụ sở tại số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại Điều 13 Hợp đồng cấp tín dụng số 463/HĐTD ngày 19/8/2011 giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 có thỏa thuận: *“Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trong trường hợp không thương lượng, giải quyết được thì mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan tới hợp đồng sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nơi Bên A đóng trụ sở”*.

Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự:

Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo cho bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nhiều lần không có lý do. Như vậy, việc vắng mặt của bị đơn được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nhận thấy:

Ngày 19/8/2011 Ngân hàng N(sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 (sau đây gọi là Công ty 658) ký Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD ngày 19/8/2011, cấp hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã nhiều lần giải ngân cho Công ty Đvới số tiền 95.899.189.166 đồng. Công ty Đ đã trả được một phần nợ gốc.

Tại biên bản làm việc ngày 26/6/2017 với Ngân hàng, Công ty Đcó xác nhận còn nợ Ngân hàng: 86.954.921.166 đồng.

Tạm tính đến ngày 08 tháng 10 năm 2021, Công ty Đcòn nợ Ngân hàng:

Nợ gốc là: 86.954.921.166 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 111.397.864.527đồng.

Lãi phạt quá hạn: 47.772.472.858 đồng.

Cộng gốc, lãi là: 246.125.258.551 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty Đphải trả số nợ gốc và lãi nêu trên.

Xét thấy, Công ty Đkhông trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các

bên, vi phạm Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty 658 phải trả toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng đưa ra bảng kê chi tiết cách tính lãi và Hội đồng xét xử đã kiểm tra, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Công ty Đ phải trả Ngân hàng số tiền gốc, lãi nêu trên tạm tính đến ngày 08/10/2021.

Công ty Đ phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo qui định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2021 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng trình bày do Công ty Đ là khách hàng loại A theo quy định số 1406/NHNN- TD ngày 23/05/2007 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam thì Công ty Đ được xem xét áp dụng cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.

[4]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm và lời tranh luận của Luật sư phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí:

Công ty 658 phải chịu án phí sơ thẩm là: 354.125.259 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí, được nhận lại 169.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0067002 ngày 01/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 phải trả nợ cho Ngân hàng Số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 463/HĐTD ngày 19/8/2011, tạm tính đến ngày 08 tháng 10 năm /2021 tổng cộng là : 246.125.258.551 đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 86.954.921.166 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 111.397.864.527 đồng.

Lãi quá hạn: 47.772.472.858 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn 658 phải chịu án phí sơ thẩm là: 354.125.259 đồng.

Ngân hàng Nkhông phải chịu án phí, được nhận lại 169.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0067002 ngày 01/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký